

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH B**

Bản án số: 03/2022/HSST
Ngày 08 tháng 01 năm 2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B

Với thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hằng

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Hồng

Bà Nguyễn Thị Lan

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký
Toà án nhân dân thành phố B, tỉnh B.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Văn Đông - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 01 năm 2022, tại điểm cầu Trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh B và điểm cầu thành phần Trại tạm giam công an tỉnh B, Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh B xét xử phiên tòa trực tuyến công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 224/2021/HSST ngày 30 tháng 11 năm 2021 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 246/2021/QĐST-HS ngày 24 tháng 12 năm 2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn L** - sinh năm 1986. Tên gọi khác: Không, Giới tính: Nam. ĐKKHKT và nơi ở: Thôn Ninh Tiến, xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, tỉnh B. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Nghề nghiệp: lao động tự do; Đảng viên đã bị xóa tên theo quyết định số 670 ngày 30/12/2021 của Huyện ủy Yên Dũng; Văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Ngọc Thắm, sinh năm: 1960; Con bà: Hoàng Thị Khanh, sinh năm: 1963. Bị cáo có 03 anh em, bị cáo là thứ nhất. Vợ: Trần Thị Tâm, sinh năm: 1987. Con: có 02 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm: 2018. Tiền án: Không; Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/10/2021 đến nay. Hiện tạm giam tại trại tạm giam công an tỉnh B.

Bị cáo L có mặt tại điểm cầu thành phần là trại tạm giam Công an tỉnh B.

* **Người bị hại:** Anh Cao Việt Đ, sinh năm: 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Văn Sơn, xã Tân Tiến, thành phố B, tỉnh B

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Anh Ngụy Phan Giáp, sinh năm: 1987 (vắng mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố Hùng Vương, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B, tỉnh B

Người tham gia tố tụng khác:

1. Ông Nguyễn Thế Thiện - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, có mặt tại điểm cầu thành phần.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn L, sinh năm 1986, trú tại thôn Ninh Tiến, xã Tiến Dũng, huyện Yên Dũng, thành phố B trước đây là quân nhân chuyên nghiệp, tham gia quân ngũ từ tháng 2 năm 2006 đến tháng 11 năm 2019 thì ra quân. Khoảng đầu tháng 9 năm 2019, khi đó L đang công tác tại Bộ chỉ huy quân sự tỉnh B, do cần tiền để chi tiêu cá nhân, L đã gọi điện cho bạn là anh Ngụy Phan Giáp, sinh năm 1987, trú tại tổ Hùng Vương, phường Hoàng Văn Thụ, thành phố B nhờ tìm giúp chỗ vay tiền. Anh Giáp nói “Giờ muốn vay tiền thì phải thế chấp”, L bảo “Có thể ngành được không?” (tức là giấy chứng minh quân đội), nên anh Giáp nói “vậy để tôi hỏi”. Anh Giáp đã liên lạc với bạn là anh Cao Việt Đ, sinh năm 1986, trú tại thôn Văn Sơn, xã Tân Tiến, thành phố B để hỏi việc L muốn vay tiền thì anh Đ đồng ý, sau đó anh Giáp đã giới thiệu anh Đ với L. Do vậy, L đã gọi điện thoại cho anh Đ hỏi vay tiền, khi anh Đ hỏi “có gì để lại không”, L nói “Có thể ngành”, nên anh Đ đồng ý. Vì không thể mang giấy chứng minh quân đội do Bộ quốc phòng cấp đem đi thế chấp vay tiền được, L đã nảy sinh ý định làm giả “Giấy chứng minh quân đội” để mang đi thế chấp vay tiền. L sử dụng tài khoản Zalo là số điện thoại sim không chính chủ L sử dụng truy cập vào mạng xã hội zalo để tìm kiếm thì thấy có một tài khoản Zalo đưa thông tin làm giấy phép lái xe, chứng minh nhân dân giả. L đã nhắn tin, gửi hình ảnh chứng minh quân đội của L cho người sử dụng tài khoản Zalo đó để đặt làm giấy chứng minh quân đội giả và để lại số điện thoại liên hệ. Đến ngày 12/9/2019, L nhận được Giấy “chứng minh quân đội” giả thông qua một người giao hàng chuyển phát và thanh toán hết số tiền 1.200.000 đồng. Sau khi nhận được chứng minh quân đội giả, khoảng 15 giờ ngày 12/9/2019, L điện thoại cho anh Đ thì được anh Đ hẹn gặp ở quán cà phê 98, khu vực quảng trường 03/2, phường Ngô Quyền, thành phố B, sau đó L đến thì gặp anh Đ, anh Giáp. Tại đây, L đưa cho anh Đ thẻ “chứng minh quân đội giả” để làm tin, anh Đ đã đưa cho L vay số tiền 30.000.000 đồng. Để ràng buộc trách nhiệm của L, anh Đ yêu cầu L viết giấy biên nhận tiền ghi nội dung nhận tiền mục đích là để xin việc cho anh Đ vào làm lái xe Sở giao thông vận tải tỉnh B trong vòng 30 ngày. Ngày 04/10/2019, L tiếp tục gọi điện hỏi vay của anh Đ số tiền 50.000.000 đồng, anh Đ đồng ý. Ngày 05/10/2019 tại quán cà phê 98 anh Đ đưa cho L số tiền 50.000.000 đồng, L viết biên nhận tiền với mục đích nhận tiền như lần vay trước, thời hạn trả tiền sau 30 ngày. Sau khi hết thời hạn cho vay tiền, L không trả tiền cho anh Đ, sau đó anh Đ nhiều lần gọi điện đòi tiền nhưng L đều khất, không trả tiền cho anh Đ. Ngày

28/8/2021, anh Đ có đơn trình báo Công an thành phố B và giao nộp: 01 Giấy biên nhận tiền ngày 12/9/2019 (ký hiệu A1) và 01 Giấy biên nhận tiền ngày 05/10/2019 (ký hiệu A2) đều có chữ viết và chữ ký của Nguyễn Văn L; 01 chứng minh quân đội mang tên Nguyễn Văn L, số thẻ 11A062038229.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B đã có quyết định trưng cầu giám định số 297 ngày 30/8/2021 đối với chữ viết, chữ ký tại các giấy biên nhận tiền do anh Đ giao nộp. Tại Kết luận giám định số 1396/KL-KTHS ngày 8/9/2021, Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, kết luận: “Chữ ký, chữ viết trên các tài liệu cần giám định (ký hiệu A1, A2) so với chữ ký, chữ viết của Nguyễn Văn L trên các tài liệu mẫu (ký hiệu từ M1 đến M4) là do cùng một người ký, viết ra”.

Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố B đã có quyết định trưng cầu giám định số 325 ngày 14/9/2021 đối với thẻ chứng minh quân đội mang tên Nguyễn Văn L, số 11A062038229, cấp ngày 01/01/2016. Tại Kết luận giám định số 1484/KL-KTHS ngày 21/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, kết luận: “Chứng minh quân đội số 11A062038229 mang tên Nguyễn Văn L, đơn vị Quân khu 1, cấp ngày 01/01/2016 gửi giám định là giả, được làm bằng phương pháp in phun màu”.

Bản cáo trạng số 223/CT-VKS ngày 30/11/2021 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Nguyễn Văn L về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 BLHS và tội “sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 đã được sửa đổi, bổ sung.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B trong phần luận tội đã phân tích, đánh giá các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo, xác định đủ căn cứ chứng minh bị cáo Nguyễn Văn L đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” và vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố, đề nghị HĐXX:

Áp dụng điểm c khoản 2 điều 174; điểm s, v khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 (hai) năm 09 (chín) tháng đến 03 (ba) năm tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Áp dụng điểm d khoản 2 điều 341 điểm s, v khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L từ 02 (hai) năm 03 (ba) tháng đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”.

Áp dụng điều 55 Bộ luật hình sự: Tổng hợp hình phạt cả hai tội bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/10/2021. Miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ điều 48 BLHS; Điều 589 BLDS: Buộc bị cáo L phải trả lại cho anh Cao Việt Đ số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Về án phí: Căn cứ điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn L khai nội dung cáo trạng đã truy tố về hành vi phạm tội của bị cáo là đúng. Bị cáo thừa nhận đã đặt chủ động đặt làm giả Giấy chứng minh quân đội mang tên Nguyễn Văn L và sử dụng giấy tờ giả trên, nói dối anh Cao Việt Đ là giấy tờ thật của L khiến anh Đ tin tưởng cho bị cáo vay tiền để chiếm đoạt tài sản. Bị cáo không bào chữa, không tranh luận gì. Bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai, bị cáo xin lỗi người bị hại, xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Về trách nhiệm dân sự, đến nay bị cáo vẫn chưa trả được cho anh Đ số tiền đã chiếm đoạt, bị cáo nhận trách nhiệm trả cho anh Đ.

Người bị hại, Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không ai khiếu nại gì. HĐXX đánh giá các hành vi, quyết định của cơ quan và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện trong quá trình giải quyết vụ án là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Lời khai của bị cáo Nguyễn Văn L tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại anh Cao Việt Đ, lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Ngụy Phan Giáp và phù hợp với các chứng cứ khác là các giấy biên nhận tiền ngày 12/9/2019, giấy biên nhận tiền ngày 05/10/2019 do L viết, chứng minh nhân dân quân đội giả mang tên Nguyễn Văn L, số thẻ 11A62038229 đã được xác định tại kết luận giám định số 1396/KL-KTHS ngày 08/9/2021 và kết luận giám định số 1484/KL-KTHS ngày 21/9/2021 của Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh B. Từ các tài liệu, chứng cứ thu thập được trong quá trình điều tra đã được thẩm tra tại phiên tòa, có căn cứ xác định: Tháng 9 năm 2019, Nguyễn Văn L đã sử dụng mạng xã hội Zalo đặt làm giả 01 chứng minh quân đội số 11A62038229 mang tên Nguyễn Văn L, sau đó L đã gặp anh Cao Việt Đ hỏi vay tiền. L đã sử dụng chứng minh quân đội giả trên, nói dối là chứng minh

quân đội của L đặt cho anh Cao Việt Đ để làm tin, khiến cho anh Cao Việt Đ tin tưởng, cho L vay tiền, cụ thể: Ngày 12/9/2019 anh Đ giao cho L vay số tiền 30.000.000 đồng, ngày 05/10/2019, anh Đ tiếp tục giao cho L vay số tiền 50.000.000 đồng. Tổng số tiền L chiếm đoạt của anh Đ là 80.000.000 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi của mình là sai, nhưng vẫn thực hiện, lỗi của bị cáo là cố ý. Hành vi sử dụng “chứng minh quân đội” giả của bị cáo đã xâm phạm trật tự quản lý hành chính của nhà nước trong quản lý, sử dụng tài liệu của cơ quan, tổ chức và sử dụng giấy tờ đó, gian dối với người cho vay tiền để chiếm đoạt tài sản đã xâm phạm quyền sở hữu về tài sản của công dân được nhà nước bảo vệ. Với số tiền chiếm đoạt trên, hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” quy định tại điểm c khoản 2 điều 174 BLH “*chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng*” và tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” được quy định tại điểm d khoản 2 điều 341 BLHS “*Sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác thực hiện tội phạm ít nghiêm trọng hoặc tội phạm nghiêm trọng*”. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo về tội danh, điều luật như cáo trạng đã nêu là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Vai trò, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân: Trước khi phạm tội, bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “Phạm tội hai lần trở lên” theo điểm g khoản 1 điều 52 BLHS đối với hành vi “lừa đảo chiếm đoạt tài sản”.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ TNHS theo điểm s khoản 1 điều 51 BLHS. Trong quá trình học tập, công tác tại quân đội, năm 2006 đã được tặng bằng khen; Năm 2009 được tặng giấy khen, năm 2011 được tặng danh hiệu chiến sỹ tiên tiến nên được áp dụng điểm v khoản 1 và khoản 2 BLHS.

Từ tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự nêu trên, HĐXX xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp phạm tội nghiêm trọng, nên buộc bị cáo phải cách ly khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục riêng và răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội. Tuy nhiên, khi lượng hình, HĐXX có xem xét nhân thân, thái độ ăn năn, hối cải của bị cáo, các tình tiết giảm nhẹ TNHS để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo khi lượng hình. HĐXX xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về hình phạt áp dụng cho bị cáo với mỗi tội là phù hợp với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo nên HĐXX chấp nhận.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Bị cáo phạm tội với mục đích tư lợi, ngoài hình phạt chính lẽ ra HĐXX còn áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền để sung công quỹ nhà nước theo khoản 5 điều 174, khoản 4 điều 341 Bộ luật hình sự, tuy nhiên, do bị cáo là lao động tự do, không có tài sản, nên HĐXX xét miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại là Cao Việt Đ yêu cầu bị cáo trả lại số tiền 80.000.000 đồng đã chiếm đoạt, xét yêu cầu của anh Đ là hợp pháp, bị cáo chưa bồi thường, trả cho anh Đ số tiền đã chiếm đoạt trên, nên HĐXX căn cứ điều 48 Bộ luật hình sự, điều 589 Bộ luật dân sự buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường, trả lại cho anh Cao Việt Đ số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

[6]. Đối với anh Ngụy Phan Giáp là người giới thiệu cho L vay tiền của anh Đ, xét lời khai của bị cáo, bị hại và anh Giáp, các tài liệu chứng cứ thu thập được, có căn cứ xác định anh Giáp không biết L sử dụng giấy tờ giả để vay tiền, do đó cơ quan điều tra và Viện kiểm sát xác định anh Giáp không vi phạm pháp luật, HĐXX xét thấy là đúng.

[7]. Đối với việc L đặt mua, làm giả giấy chứng minh quân đội thông qua mạng Zalo, quá trình điều tra và tại phiên tòa L khai nhận không nhớ thông tin người làm giả tài liệu, số điện thoại, tài khoản Zalo L sử dụng để giao dịch đã bị mất, Cơ quan điều tra xác định không có căn cứ xác minh làm rõ, do đó không có căn cứ xử lý đối với đối tượng làm giả tài liệu trong vụ án.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

[9]. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm c khoản 2 điều 174; Điểm d khoản 2 điều 341; Điểm s, v khoản 1, khoản 2 điều 51; điểm g khoản 1 điều 52; điều 38; Điều 55; Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 đã sửa đổi, bổ sung. Điều 584, 589 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ các Điều 135, Điều 136; Điều 331, Điều 333, Điều 336, Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 21, điểm a khoản 1 điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBNTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn L 02 (hai) năm 09 (chín) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” và 02 (hai) năm 03 (ba) tháng tù về tội “Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức”. Tổng hợp hình phạt cả hai tội bị cáo phải chấp hành là 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 19/10/2021.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Văn L phải bồi thường, trả cho anh Cao Việt Đ số tiền 80.000.000 (tám mươi triệu) đồng.

Án phí: Bị cáo Nguyễn Văn L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 4.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Sở tư pháp tỉnh B
- TAND, VKSND Tỉnh B
- VKSND TP B
- THADS TP B
- Công an TP B
- Những người TGTT;
- Lưu HS, VP.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Hằng